

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DSST

Ngày: 19-11-2020

*V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga;**

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liên Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hùng Cường**, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 394/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2020; về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS, ngày 02-11-2020; giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long;

Địa chỉ: Số 40-42-44 đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; Người đại diện ủy quyền cho Ngân hàng: Bà **Bùi Thị Như N** - Quyền giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long chi nhánh huyện T(Có mặt);

Bị đơn: Ông **Ngô Đức T**, sinh năm 1976 và bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1973; Cùng địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29/5/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long- phòng giao dịch T với ông **Ngô Đức T** và bà **Nguyễn Thị P** có ký hợp đồng tín dụng số: 201/19/HĐTD/1602-8018 ngày 29/05/2019 cho ông T, bà P vay với số tiền vốn

bằng 60.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng; lãi suất trong hạn 13,60%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn, hình thức thanh toán: Lãi trả hàng quý, gốc trả cuối kỳ; Phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông T, bà P có ký hợp đồng thế chấp tài sản số: 201/19/HĐTC-BDS/1602-8018 ngày 29/5/2019 thế chấp tài sản gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI 333959; diện tích 1.751,5m², thửa 471, tờ bản đồ số 21, loại đất ở nông thôn có diện tích 300m² và đất trồng cây lâu năm có diện tích 1.451,5m², tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Ngô Đức T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình vay thì ông T, bà P có thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng gồm: Lãi trong hạn bằng 2.056.767 đồng và tiền phạt chậm trả lãi bằng 41.699 đồng, sau đó không thanh toán tiếp.

Do nợ vay đã đến hạn thanh toán gốc và lãi quá hạn cho Ngân hàng, nhưng ông T, bà P vẫn không thanh toán nợ đúng hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện nhưng ông T và bà P không thực hiện nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay trên sang nợ quá hạn và đã thông báo cho ông T và bà P để thu hồi toàn bộ nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Nay đại diện cho Ngân hàng yêu cầu ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị P thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng bằng 72.441.046 đồng (trong đó vốn vay bằng 60.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 19/11/2020 cụ thể: Lãi trong hạn bằng 6.125.589 đồng, Lãi quá hạn bằng 5.868.493 đồng, tiền phạt chậm trả lãi bằng 446.964 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi ông T và bà P thanh toán xong hợp đồng.

Trường hợp ông T, bà P không thanh toán hết nợ vay đề nghị phát mãi tài sản thế chấp gồm: Diện tích 1.751,5m², thửa 471, tờ bản đồ số 21, loại đất ở nông thôn có diện tích 300m² và đất trồng cây lâu năm có diện tích 1.451,5m², tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Ngô Đức T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI 333959 đã cấp ngày 20/5/2013 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: 01 hợp đồng tín dụng số: 201/19/HĐTD/1602-8018 ngày 29/05/2019; 01 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 201/19/HĐTC-BDS/1602-8018 ngày 29/5/2019; 01 đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 29/5/2019; 02 bảng kê tính lãi, tiền phạt và vốn vay; 01 giấy đề nghị vay vốn; 01 phiếu thu tiền vay ngày 11/11/2019; 01 giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ; 01 quyết định ủy quyền ngày 24/4/2018 của Ngân hàng; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 471 (đều photo chứng thực); 02 chứng nhân dân tên T, P; 01 Sổ hộ khẩu tên T (photo).

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng ông Ngô Đức T và bà Nguyễn

Thị P không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của ông T và bà P được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Kiên Long.

Buộc ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng cộng bằng 71.994.082 đồng (trong đó vốn vay bằng 60.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 19/11/2020 cụ thể: Lãi trong hạn bằng 6.125.589 đồng; Lãi quá hạn bằng 5.868.493 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi bằng 446.964 đồng của Ngân hàng.

Kể từ ngày 20/11/2020 cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền nợ gốc chưa trả, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị P không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng số 201/19/HĐTC-BDS/1602-8018 ngày 29/5/2019 gồm: Diện tích 1.751,5m², thửa 471, tờ bản đồ số 21, loại đất ở nông thôn diện tích 300m² và đất trồng cây lâu năm diện tích 1.451,5m², tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Ngô Đức T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI 333959 đã cấp ngày 20/5/2013 và tẩn sản có trên thửa đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về án phí, chi phí thẩm định đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Bị đơn ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị P trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án ông T, bà P đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T, bà P vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, bà P.

[3] *Về nội dung*: Ngày 29/5/2019 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long với ông T, bà P có ký hợp đồng tín dụng số: 201/19/HĐTD/1602-8018 ngày 29/05/2019 cho ông T, bà P vay số tiền vốn bằng 60.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua bán, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 13,60%/năm (1,13%/tháng), lãi suất nợ quá hạn bằng 150%; Hình thức thanh toán: Lãi trả hàng quý, gốc trả cuối kỳ; Phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Để đảm bảo khoản vay trên ông T, bà P có thể chấp tài sản gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.751,5m², thửa 471, tờ bản đồ số 21, loại đất ở nông thôn diện tích 300m² và đất trồng cây lâu năm diện tích 1.451,5m², tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Ngô Đức T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Ngân hàng đã cung cấp toàn bộ hồ sơ để khởi kiện. Như vậy người khởi kiện đã có đủ chứng cứ để chứng minh ông T, bà P có vay và ký nhận tiền vốn vay bằng 60.000.000 đồng tại Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số: 201/19/HĐTD/1602-8018 ngày 29/05/2019 nếu ông T và bà P không trả đầy đủ nợ gốc và nợ lãi theo phân kỳ là vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà P hoàn trả nợ gốc, nợ lãi tổng cộng bằng 72.441.046 đồng (trong đó vốn vay bằng 60.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 19/11/2020 cụ thể: Lãi trong hạn bằng 6.125.589 đồng, lãi quá hạn bằng 5.868.493 đồng, tiền phạt chậm trả lãi bằng 446.964 đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Kể từ ngày 20/11/2020 nếu ông T, bà P không trả được nợ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng.

[5] *Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng*: Tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 201/19/HĐTC-BDS/1602-8018 ngày 29/5/2019 có ghi bên thế chấp là ông T, bà P đồng ý thế chấp tài sản gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Diện tích 1.751,5m², thửa 471, tờ bản đồ số 21, loại đất ở nông thôn diện tích 300m² và đất trồng cây lâu năm diện tích 1.451,5m², tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Ngô Đức T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI 333959 đã cấp ngày 20/5/2013 để đảm bảo cho khoản vay.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần thì trên thửa đất thế chấp có tài sản gồm: 01 căn nhà kết cấu khung cột bê tông cốt thép, mái tol, tường xây gạch, vách 02 mặt bên bằng lá, nền đất không có cửa, có diện tích 68,6m².

Xét thấy, hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo vay vốn của ông T và bà P là hợp pháp tại thời điểm giao dịch, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] *Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp*: Buộc bị đơn Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà không chấp nhận yêu cầu phạt chậm trả lãi bằng 446.964 đồng là không có cơ sở chấp nhận, bởi theo quy định của pháp luật nếu bên vay không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận và tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng được xác lập vào ngày ngày 29/05/2019 các bên có thỏa thuận lãi suất, lãi chậm trả là 10%/năm, mặc khác trong thời gian vay vốn đến ngày 10/11/2019 bị đơn có thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi trong hạn bằng 2.056.767 đồng và tiền phạt chậm trả lãi bằng 41.699 đồng, cho nên việc Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả tiền phạt chậm trả lãi là phù hợp với quy định của pháp luật. Còn các ý kiến đề nghị khác là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 147, 165 và Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Kiên Long yêu cầu ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị P hoàn trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số: 201/19/HĐTD/1602-8018 ngày 29/05/2019 và xử lý tài sản thế chấp.

2. Buộc ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị P cùng có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng tổng cộng bằng 72.441.046 đồng (trong đó vốn vay bằng 60.000.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày 19/11/2020 cụ thể: Lãi trong hạn bằng 6.125.589 đồng; Lãi quá hạn bằng 5.868.493 đồng, tiền phạt chậm trả lãi bằng 446.964 đồng).

Kể từ ngày 20/11/2020 cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền nợ gốc chưa trả, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng số: 201/19/HĐTD/1602-8018 ngày 29/05/2019 cho đến khi thi hành án xong.

3. Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị P không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng số 201/19/HĐTC-BĐS/1602-8018 ngày 29/5/2019 gồm:

Diện tích đất 1.751,5m², thửa 471, tờ bản đồ số 21, loại đất ở nông thôn diện tích 300m² và đất trồng cây lâu năm diện tích 1.451,5m², tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Ngô Đức T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI 333959 đã cấp ngày 20/5/2013 và tài sản có trên thửa đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

4. Về án phí: Buộc bị đơn ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị P phải chịu 3.622.052 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long không phải chịu án phí; Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 1.670.817 đồng theo biên lai thu tiền số 0002066 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

5. Về chi phí thẩm định tại chỗ bằng 1.200.000 đồng: Buộc bị đơn ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị P phải chịu để hoàn trả lại cho Ngân hàng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm

